

Số: 1198/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 11 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Nghị quyết số 340/NQ-ĐHNT ngày 24/3/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 1008/QĐ-ĐHNT ngày 07/9/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học và cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 1222/QĐ-ĐHNT ngày 02/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc kiện toàn Hội đồng và Ban Thư ký phát triển chương trình đào tạo, các Tiểu ban liên ngành và Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo trình độ đại học;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học và Trường phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Tài chính – Ngân hàng, mã số: 7340201.

Điều 2. Giao Khoa Kế toán – Tài chính quản lý chương trình đào tạo này.

Điều 3. Chương trình đào tạo này áp dụng từ Khóa 63.

Điều 4. Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo và các ông/bà Trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *ctm*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, ĐTDH.

HIỆU TRƯỞNG



Trang Pi Trung



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 11/18/QĐ-ĐHNT ngày 11 tháng 11 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

a) Đơn vị được giao quản lý	Khoa Kế Toán Tài Chính
b) Tên chương trình	Tài chính - Ngân hàng
c) Ngành đào tạo	Tài chính - Ngân hàng
d) Mã số ngành đào tạo	7340201
e) Trình độ đào tạo	Đại học
f) Hình thức đào tạo	Chính quy
g) Thời gian đào tạo	4 năm
h) Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng việt
i) Tên văn bằng tốt nghiệp	Cử nhân Tài chính Ngân hàng
j) Thời gian cập nhật, điều chỉnh CTĐT	11/2021

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

- PEO1: Có tri thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn; bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ, sức khỏe; các kỹ năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin và các kỹ năng mềm; từ đó vận dụng vào cuộc sống, học tập và công việc sau này;
- PEO2: Có khả năng phân tích và đánh giá các vấn đề thực tiễn phát sinh trong quá trình hoạt động tài chính - ngân hàng;
- PEO3: Có kỹ năng nghề nghiệp để hội nhập và tham gia các hoạt động trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng;
- PEO4: Có kiến thức nền tảng và chuyên sâu liên quan đến tài chính - ngân hàng để phân tích tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và các định chế tài chính;
- PEO5: Thích ứng với sự thay đổi và phát triển không ngừng của môi trường kinh tế nói chung và lĩnh vực tài chính - ngân hàng nói riêng.

2.2. Ma trận tương thích giữa mục tiêu của chương trình đào tạo (PEOs) với mục tiêu giáo dục của Trường (EOs)

Mục tiêu giáo dục của Trường (EOs)	Mục tiêu của CTĐT (PEOs)				
	1	2	3	4	5
1. Bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ và sức khỏe	x				
2. Kiến thức nền tảng và chuyên sâu về nghề nghiệp	x	x		x	
3. Kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên môn phù hợp với nghề nghiệp		x	x		x
4. Khả năng nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ			x		
5. Tinh thần lập nghiệp, khả năng tự học, sáng tạo và thích ứng với môi trường hoạt động nghề nghiệp	x		x	x	x

III. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sau khi học xong chương trình đào tạo ngành Tài chính Ngân hàng, sinh viên có khả năng:

1. PLO1: Có lập trường chính trị tư tưởng, biết vận dụng lý luận chính trị, quân sự, pháp luật và các phương pháp rèn luyện sức khỏe để thực hiện nghĩa vụ công dân và phát triển cá nhân;
2. PLO2: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và tiếp cận các vấn đề thuộc lĩnh vực, ngành đào tạo;
3. PLO3: Vận dụng kỹ năng tư duy sáng tạo và các kỹ năng mềm cần thiết khác để làm việc và tự học suốt đời; đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản để tiếp cận giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và công việc chuyên môn;
4. PLO4: Vận dụng được các kiến thức nền tảng về kinh tế, thị trường và pháp luật chuyên ngành vào giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực tài chính, thuế, ngân hàng và bảo hiểm;
5. PLO5: Vận dụng kiến thức chuyên sâu để phục vụ cho việc ra các quyết định trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng;
6. PLO6: Phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.
7. PLO7: Đánh giá được các vấn đề về tài chính và hoạch định các chính sách tài chính cho các tổ chức kinh tế, đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp;
8. PLO8: Thể hiện được tác phong làm việc chuyên nghiệp và ý thức tuân thủ pháp luật;
9. PLO9: Tư duy phản biện, thể hiện trách nhiệm xã hội và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động chuyên môn của ngành.

3.2. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

PEOs	Chuẩn đầu ra - PLOs									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	x	x	x					x	x	x
2			x	x	x	x	x	x		
3			x	x	x	x	x	x		
4		x		x	x	x	x			
5					x	x	x	x	x	

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

1. Cử nhân được đào tạo theo chương trình Tài chính ngân hàng đảm nhận các chức danh như sau:

- Chuyên viên phân tích tài chính, giao dịch viên ngân hàng, nhân viên tín dụng;
- Trưởng phòng tài chính, trưởng ban kiểm soát, giám đốc tài chính, trưởng phòng giao dịch, giám đốc chi nhánh;
- Giảng viên, cán bộ thuế, thanh tra thuế, thanh tra tài chính, ...

2. Cử nhân được đào tạo theo chương trình Tài chính ngân hàng đảm nhận các vị trí công việc như sau:

- Quản trị tài chính, kinh doanh tiền tệ, kinh doanh chứng khoán;
- Phân tích và thẩm định tín dụng, thẩm định dự án, ...

3. Cử nhân được đào tạo theo chương trình Tài chính ngân hàng có thể làm việc ở những nơi như sau:

- Các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp, cơ quan thuế, công ty tư vấn về thuế, ngân hàng, công ty bảo hiểm;
- Công ty chứng khoán, công ty tài chính, quỹ đầu tư, các định chế tài chính, các cơ sở đào tạo, hoặc tự kinh doanh.

V. QUY ĐỊNH TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO VÀ TỐT NGHIỆP

Thông tin tuyển sinh	- Hình thức tuyển sinh: xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT và các hình thức khác - Phạm vi tuyển sinh: trong cả nước - Đối tượng tuyển sinh: thí sinh tốt nghiệp THPT
Điều kiện nhập học	Thí sinh đủ các điều kiện xét tuyển vào trường theo quy định hiện hành.
Quy định đào tạo	Chi tiết tại website: www.ntu.edu.vn
Điều kiện tốt nghiệp	Chi tiết tại website: www.ntu.edu.vn

VI. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Nội dung	Tổng		Kiến thức bắt buộc		Kiến thức tự chọn	
		Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %
I	Giáo dục tổng quát	48	35,0	44	32,1	4	2,9
1	Xã hội, Nhân văn và Nghệ thuật	20	14,6	18	13,1	2	1,5
2	Toán, Tin học, Tự nhiên, Công nghệ và Môi trường	9	6,6	9	6,6	0	0,0
3	Ngoại ngữ	8	5,8	8	5,8	0	0,0
4	Thể chất và Quốc phòng – An ninh	11	8,0	9	6,6	2	1,5
II	Giáo dục chuyên nghiệp	89	65,0	79	57,7	10	7,3
1	Cơ sở ngành	29	21,2	25	18,2	4	2,9
2	Ngành	50	36,5	44	32,1	6	4,4
3	Tốt nghiệp	10	7,3	10	7,3	0	0,0
	Tổng cộng	137	100	123	89,8	14	10,2

VII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

7.1. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Phân bố thời lượng		HP tiên quyết	HP song hành	Phân bố từng Học kỳ							
				LT	TH			1	2	3	4	5	6	7	8
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			137	Bắt buộc				17	15	13	12	16	16	16	10
				Tự chọn				0*	1*	3*	4*	2*	2*	2*	-
I	Giáo dục tổng quát		48												
I.1	Xã hội, Nhân văn và Nghệ thuật		20												
Các HP bắt buộc			18					5	5	4	2	2			
1	POL307	Triết học Mác - Lênin	3	45				3							
2	POL309	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30		1			2						
3	POL308	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30		1				2					
4	POL333	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		2,3					2				
5	POL310	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30		2,3				2					
6	SSH313	Pháp luật đại cương	2	30				2							
7	SSH378	Tư duy phản biện	3	45					3						
8	SSH379	Ngôn ngữ học thuật	2	30						2					
Các HP tự chọn			2								2*				
9	SSH316	Tâm lý học đại cương	2								2				
10	SSH320	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2								2				
11	SSH383	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	2								2				
12	SSH317	Nhập môn hành chính nhà nước	2								2				
I.2	Toán, Tin học, Tự nhiên, Công nghệ và Môi trường		9												
Các HP bắt buộc			9					6		3					
13	MAT327	Toán 1	3	45				3							
14	MAT322	Xác suất - Thống kê	3	45		13				3					
15	SOT382	Tin học đại cương B (LT+TH)	3	15	30			3							
I.3	Ngoại ngữ		8						4	4					
16		Ngoại ngữ 1	4	60				4							
17		Ngoại ngữ 2	4	60		16			4						
I.4	Thể chất và Quốc phòng - An ninh		11												
Các HP bắt buộc			9					1							
18	QPAD011	Đường lối QP&AN của ĐCSVN	3	45											
19	QPAD02	Công tác quốc phòng và an ninh	2	30											
20	QPAD033	Quân sự chung	1	15											
21	QPAD044	KT chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	10	20										

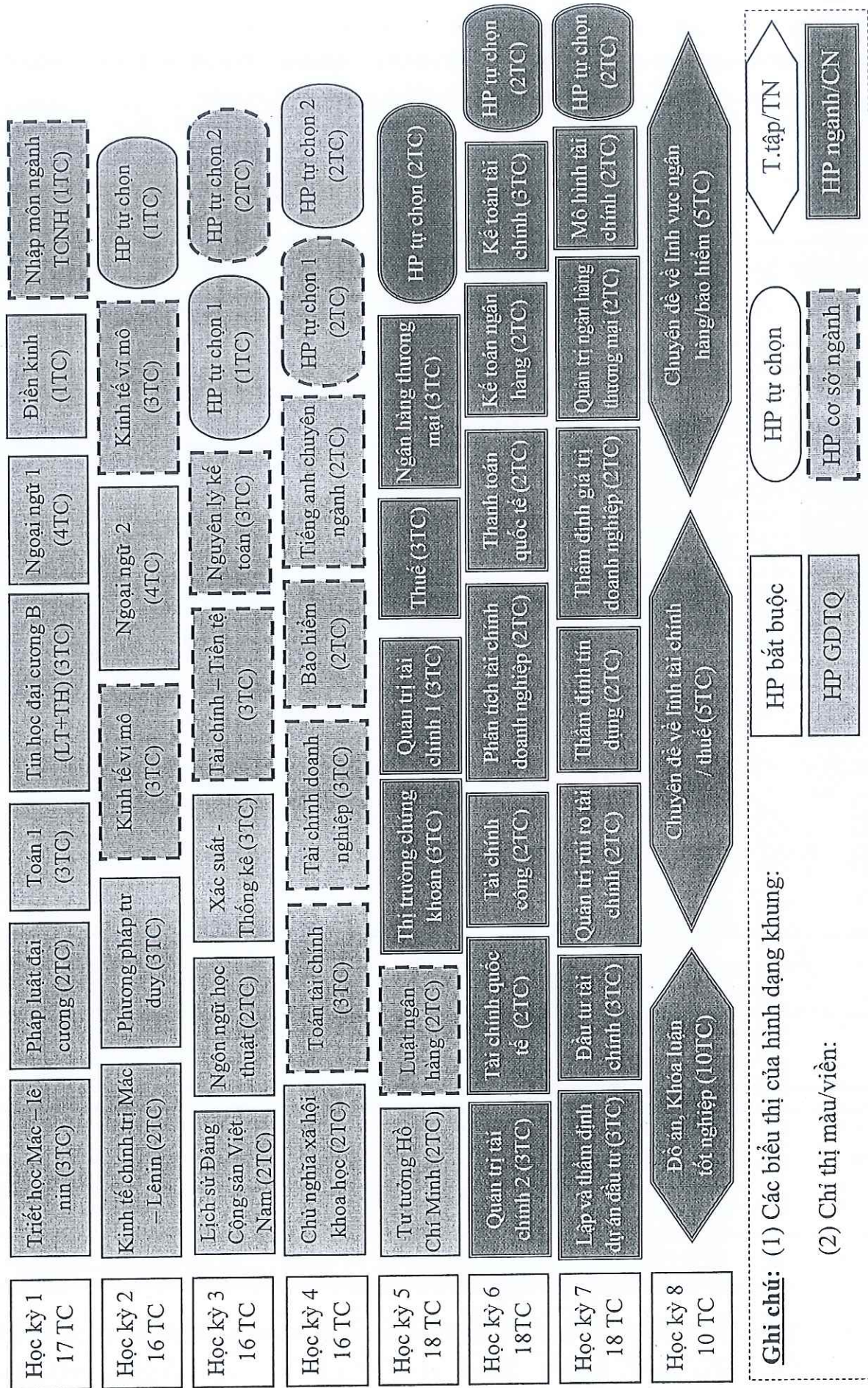
¹ Nhóm học phần QP-AN được bố trí học tập trung thời gian ngắn từ học kỳ 1 - 4 (không tính vào số tín chỉ từng học kỳ).

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Phân bố thời lượng		HP tiên quyết	HP song hành	Phân bố từng Học kỳ									
				LT	TH			1	2	3	4	5	6	7	8		
22	85065	Điền kinh	1	5	10			1									
Các HP tự chọn			2						1*	1*							
23	85097	Bóng đá	1*	5	10				1	1							
24	85098	Bóng chuyền	1*	5	10				1	1							
25	85105	Cầu lông	1*	5	10				1	1							
26	85108	Taekwondo	1*	5	10				1	1							
27	85066	Bơi lội	1*	5	10				1	1							
28	851111	Aerobic	1*	5	10				1	1							
II Giáo dục chuyên nghiệp			89														
II.1 Cơ sở ngành			29														
Các HP bắt buộc			25					1	6	6	10	2					
29		Nhập môn ngành Tài chính Ngân hàng	1					1									
30		Kinh tế vi mô	3			2			3								
31		Kinh tế vĩ mô	3			30			3								
32		Tài chính – Tiền tệ	3			31	42			3							
33		Toán tài chính	3			32					3						
34		Tài chính doanh nghiệp	3			32					3						
35		Nguyên lý kế toán	3				39			3							
36		Bảo hiểm	2			32					2						
37		Luật ngân hàng	2			36						2					
38		Tiếng Anh chuyên ngành	2			17					2						
Các HP tự chọn			4							2*	2*						
39		Kế toán quản trị	2				35			2							
40		Luật kinh doanh	2			32				2							
41		Phương pháp nghiên cứu khoa học	2			14					2						
42		Ngân hàng số	2				32			2							
43		Đàm phán trong kinh doanh	2			31					2						
44		Kinh doanh xuất nhập khẩu	2			31					2						
45		Kinh tế lượng	2			14				2							
II.2 Ngành			50														
Các HP bắt buộc			44									12	16	16			
46		Thị trường chứng khoán	3			32						3					
47		Quản trị tài chính 1	3			34						3					

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Phân bố thời lượng		HP tiên quyết	HP song hành	Phân bố từng Học kỳ								
				LT	TH			1	2	3	4	5	6	7	8	
48		Quản trị tài chính 2	3			47								3		
49		Tài chính quốc tế	2				48							2		
50		Thuế	3			34						3				
51		Tài chính công	2			32								2		
52		Ngân hàng thương mại	3			32						3				
53		Phân tích tài chính doanh nghiệp	2			34								2		
54		Lập & thẩm định dự án đầu tư	3			48									3	
55		Đầu tư tài chính	3			48									3	
56		Thanh toán quốc tế	2			32								2		
57		Quản trị rủi ro tài chính	2			48									2	
58		Thẩm định tín dụng	2			48									2	
59		Thẩm định giá trị doanh nghiệp	2			48									2	
60		Quản trị ngân hàng thương mại	2			52									2	
61		Mô hình tài chính	2			48									2	
62		Kế toán ngân hàng	2			52								2		
63		Kế toán tài chính	3			35								3		
Các HP tự chọn			6											2*	2*	2*
64		<i>Công cụ tài chính phái sinh</i>	2			46									2	
65		<i>Hệ thống kiểm soát nội bộ</i>	2			30						2				
66		<i>Tài chính công ty đa quốc gia</i>	2			48								2		
67		<i>Quản trị chiến lược</i>	2			31									2	
68		<i>Tài chính hành vi</i>	2			32								2		
69		<i>Tài chính cá nhân</i>	2			32						2				
70		<i>Quản trị nguồn nhân lực</i>	2			31								2		
71		<i>Công nghệ blockchain</i>	2			32						2				
II.3 Tốt nghiệp			10													10
72. Khóa luận tốt nghiệp			10		150											10
<i>Đối với sinh viên không làm Khóa luận tốt nghiệp</i>			10		150											10
73. Chuyên đề về lĩnh vực tài chính / thuế			5													5
74. Chuyên đề về lĩnh vực ngân hàng / bảo hiểm			5													5

Ghi chú: Các tín chỉ có dấu "*" là của HP tự chọn.

7.2. Lưu đồ đào tạo



7.3. Ma trận thể hiện sự đóng góp của học phần để đạt được chuẩn đầu ra

TT	Tên học phần	Số TC	Mức tương thích với chuẩn đầu ra (PLOs)									Tổng	
			1	2	3	4	5	6	7	8	9		
I	Giáo dục tổng quát												
I.1	Xã hội, Nhân văn và Nghệ thuật												
1	Triết học Mác - Lênin	3	M	I							I	2I+1M	
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	M	I								1I+1M	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	M	I								1I+1M	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	M	I							I	2I+1M	
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	M	I								1I+1M	
6	Pháp luật đại cương	2	M	I		I					R	2I+1R+1M	
7	Tư duy phản biện	3		R	M			R				R	3R+1M
8	Ngôn ngữ học thuật	2		R	M								1R+1M
9	Tâm lý học đại cương	2		x				x					x
10	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2		x	x						x		x
11	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	2			x							x	x
12	Nhập môn hành chính nhà nước	2	x	x									x
I.2	Toán, Tin học, Tự nhiên, CN&MT												
13	Toán 1	3		M									1M
14	Xác suất - Thống kê	3		M									1M
15	Tin học đại cương B (LT+TH)	3			M								1M
I.3	Ngoại ngữ												
16	Ngoại ngữ 1	4		I	M								1I+1M
17	Ngoại ngữ 2	4		I	M								1I+1M
I.4	Thể chất và QP-AN												
18	Đường lối QP&AN của ĐCSVN	3											
19	Công tác quốc phòng và an ninh	2		M									1M
20	Quân sự chung	1											
21	KT chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2											
22	Điền kinh	1											
23	Bóng đá	1											
24	Bóng chuyền	1											
25	Cầu lông	1		M									1M
26	Taekwondo	1											
27	Bơi lội	1											
28	Aerobic	1											
II	Giáo dục chuyên nghiệp												
II.1	Cơ sở ngành												
29	Nhập môn ngành Tài chính NH	1					I					I	2I
30	Kinh tế vi mô	3		I			M	R			I		2I+1R+1M
31	Kinh tế vĩ mô	3		I			M	R			I		2I+1R+1M
32	Tài chính – Tiền tệ	3					R	I	M	R		I	2I+2R+1M
33	Toán tài chính	3					R	I	R	R		I	2I+3R
34	Tài chính doanh nghiệp	3					R	I	R	R		I	3I+3R

TT	Tên học phần	Số TC	Mức tương thích với chuẩn đầu ra (PLOs)									Tổng
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	
35	Nguyên lý kế toán	3				R	I	R	R		I	2I+3R
36	Bảo hiểm	2				R	R	R	R		I	1I+4R
37	Luật ngân hàng	2	I			M	R	R	R	M	I	2I+3R+2M
38	Tiếng Anh chuyên ngành	2				I	R	R	I	R	R	2I+4R
39	Kế toán quản trị	2				x	x	x		x		x
40	Luật kinh doanh	2	x			x	x			x	x	x
41	Phương pháp nghiên cứu KH	2				x	x	x	x		x	x
42	Ngân hàng số	2		x	x	x		x	x		x	x
43	Đàm phán trong kinh doanh	2				x	x			x	x	x
44	Kinh doanh xuất nhập khẩu	2				x	x		x			x
45	Kinh tế lượng	2			x	x			x			x
II.2 Ngành												
46	Thị trường chứng khoán	3				R	M	R	R			3R+1M
47	Quản trị tài chính 1	3					R	M	R		R	3R+1M
48	Quản trị tài chính 2	3					M	R	M	R	R	3R+2M
49	Tài chính quốc tế	3					M	R	M	R		2R+2M
50	Thuế	3					M	R	R	R	R	4R+1M
51	Tài chính công	2					M	R	M	R		2R+2M
52	Ngân hàng thương mại	3					M	R	R		R	3R+1M
53	Phân tích tài chính doanh nghiệp	2					M	R	M	R	R	3R+2M
54	Lập, thẩm định dự án đầu tư	3					M	R	M		R	2R+2M
55	Đầu tư tài chính	3					M	M	M		R	1R+3M
56	Thanh toán quốc tế	2					R	R	R		R	4R
57	Quản trị rủi ro tài chính	2					M	R	R		R	3R+1M
58	Thẩm định tín dụng	2					M	R	M	R	R	3R+2M
59	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	2					M	R	R		R	3R+1M
60	Quản trị ngân hàng thương mại	2					M	R	R		R	3R+1M
61	Mô hình tài chính	2					M	R	M			1R+2M
62	Kế toán ngân hàng	2					M	R	R		R	3R+1M
63	Kế toán tài chính	3							R		R	2R
64	Công cụ tài chính phái sinh	2				x	x	x	x			x
65	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2				x		x			x	x
66	Tài chính công ty đa quốc gia	2				x	x	x	x			x
67	Quản trị chiến lược	2					x	x	x	x	x	x
68	Tài chính hành vi	2				x	x	x	x		x	x
69	Tài chính cá nhân	2				x	x		x		x	x
70	Quản trị nguồn nhân lực					x			x	x	x	x
71	Công nghệ blockchain	2			x	x	x	x	x			x
II.3 Tốt nghiệp												
	Tổng		1I+8M	10I+2R+2M	5M	3I+6R+4M	4I+8R+16	21R+4M	3I+16R+9M	1I+8R+2M	9I+16R+1M	
	Chuẩn đầu ra (PLO)		1	2	3	4	5	6	7	8	9	

7.4. Cách thức đánh giá kết quả học tập

Theo quy chế đào tạo trình độ đại học hiện hành của Trường Đại học Nha Trang.

VIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN VÀ TỔ CHỨC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mỗi năm học, Nhà trường tổ chức 3 học kỳ, bao gồm hai học kỳ chính và một học kỳ phụ (học kỳ hè).

Nhà trường công bố kế hoạch học tập của cả năm học trước khi năm học mới bắt đầu.

Căn cứ kế hoạch học tập theo từng năm học/học kỳ và kế hoạch đào tạo theo thời gian của chương trình đào tạo, Phòng Đào tạo Đại học và Cố vấn học tập tư vấn sinh viên đăng ký các học phần bắt buộc và lựa chọn các học phần tự chọn phù hợp.

IX. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ SINH VIÊN

Trong quá trình thực hiện khoá học, sinh viên được hỗ trợ nhiều hoạt động từ Khoa/Viện, Bộ môn và Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp & Hỗ trợ sinh viên, cụ thể:

- Tham quan thực tế tại cơ sở sản xuất ngay sau khi nhập học;
- Ở ký túc xá nếu sinh viên có nhu cầu;
- Mượn và đọc tài liệu miễn phí; sử dụng wifi miễn phí trong toàn trường;
- Tham gia các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động Đoàn thanh niên và Hội sinh viên tổ chức; các CLB chuyên môn, kỹ năng mềm;
- Được sử dụng các dịch vụ khác như nước uống, căn tin, y tế,...

TRƯỞNG KHOA/VIỆN


Nguyễn Thanh Cường

BAN CHỦ NHIỆM CTĐT



Nguyễn Thanh Cường

HIỆU TRƯỞNG



Trương Thị Trung

HỖ PHÁT TRIỂN CTĐT


Quách Hoài Nam